TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HSST
Ngày 20/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Đồng;
2. Ông Trần Đăng Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Ninh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/HSST ngày 14/ 4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST - HS ngày 05/5/2022; Quyết định Hoãn phiên tòa số 40/2022/HSST-QĐ ngày 13/6/2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993; Nơi ĐKNKTT, nơi ở: Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 09/12; Bố đẻ: Phạm Văn T; Mẹ đẻ: Lâm Thị N; Vợ: Nông Thị D (Đã ly hôn năm 2019); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2022 "có mặt".

Bị hại:
Anh Ninh Văn D, sinh năm 1995 "có mặt".
Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Anh Ninh Văn M, sinh năm 1997 "có mặt".
Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Anh Từ Văn Q, sinh năm 1977 "có mặt".
Địa chỉ: Thôn T 3, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 "vắng mặt".
Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Anh Phạm Văn T, sinh năm 1970 "vắng mặt".
Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 30/4/2020, Phạm Văn H, Ninh Văn D, Hoàng Văn Tr rủ nhau ra thị trấn C chơi và uống rượu. Khi đi D điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn đỏ đen, biển số 98E1-674.29 (là xe mô tô D mượn của em trai là Ninh Văn M, sinh năm 1997, trú ở cùng thôn) chở H, còn anh Trưởng một mình điều khiển xe mô tô của Trưởng cùng đi. Sau khi uống rượu xong, cả nhóm đến nhà nghỉ Sài Gòn thuộc thôn K, xã H, huyện L để thuê phòng nghỉ ngơi. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày tại phòng 302 tầng 3 nhà nghỉ S, H hỏi mượn anh D chiếc xe môtô, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn đỏ đen, biển số 98E1-674.29 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3, màu xanh của anh D để giải quyết việc cá nhân. Anh D đồng ý đưa chìa khóa và điện thoại cho H. Sau khi mượn được xe mô tô và điện thoại của anh D, H điều khiển xe mô tô đi đến nhà anh Từ Văn Q (là chú rể của H) để mượn mũ bảo hiểm. Sau đó H đi xuống thành phố Bắc Giang chơi và nghỉ lại tại đây. Đến ngày 01/5/2020, H có ý định đi tỉnh Quảng Ninh để tìm việc làm, do không có tiền nên H đã nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô biển số 98E1-674.29 mượn của anh D đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Sau đó H đã gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, trú tại thôn X, xã X, huyện Y, hiện anh H có quán sửa chữa mô tô, xe máy tại thị trấn N, huyện Y (là người quen biết từ trước) để cầm cố chiếc xe mô tô đã mượn của anh D, anh H đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô đến quán của anh H cầm cố cho anh H được số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Sau khi nhận tiền xong thì H bắt taxi ra thành phố Bắc Giang để đón xe đi tỉnh Quảng Ninh, trên đường đi thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3, màu xanh bị vỡ màn hình nên H đã ném đi (không nhớ vất ở vị trí nào). Đối với anh D, sau khi cho H mượn xe mô tô và điện thoại, đợi mãi không thấy H về nên anh D và anh Trưởng dùng điện thoại của anh Trưởng gọi cho H nhiều lần nhưng H không nghe máy và sau đó không liên lạc được nữa. Anh D và anh Trưởng đã đi đến nhà anh Từ Văn Q để tìm H thì được anh Q cho biết H vừa mượn mũ bảo hiểm và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn đỏ đen, biển số 98E1-674.29 đi xuống thành phố Bắc Giang. Sau khi không tìm được H, anh D về nhà kể cho anh Ninh Văn M biết sự việc. Đến ngày 01/5/2020, anh D vẫn không thấy H mang xe mô tô và điện thoại về trả nên anh D đã làm đơn trình báo gửi Công an xã H đề nghị giải quyết.

Ngày 02/5/2020, anh D và anh M tiếp tục đi xuống nhà của anh Q và nói chuyện cho anh Q biết việc chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn đỏ đen, biển số 98E1-674.29 H đi đến nhà anh Q ngày 30/4/2020 là xe do H mượn của anh D. Anh Q có gọi điện thoại cho H hỏi xe mượn của Duy đâu thì được H thông báo đã cắm cho anh H ở thị trấn N, huyện Y với số tiền 4.000.000 đồng và bảo với anh Q nhắn anh D đi tìm anh H chuộc xe, đồng thời H gửi số điện thoại của anh H cho anh Q. Ngày 03/5/2020, các anh D, Q, M cùng nhau đi xuống thị trấn N, huyện Y và gọi điện thoại cho anh H đặt vấn đề chuộc chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn đỏ đen, biển số 98E1-674.29 do H đã cầm cố trước đó, anh H nhất trí. Đến khoảng 23 giờ

cùng ngày, các anh D, Q, M gặp anh H tại cánh đồng thuộc thị trấn N, huyện Y theo yêu cầu của anh H để chuộc xe. Khi gặp nhau anh H kiểm tra giấy tờ xác định đúng anh M là chủ sở hữu của chiếc xe nên đã đồng ý cho anh M chuộc chiếc xe mô tô trên với số tiền 4.800.000 đồng.

Ngày 11/5/2020, Công an xã H đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 04/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Yêu cầu định giá đối với chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại do H chiếm đoạt của anh D nêu trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HD ngày 05/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện L kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 98E674.29 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 37.600.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Realme3, màu xanh giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt nêu trên là **39.700.000** đồng.

Ngày 10/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L cho anh Ninh Văn D xác định lại hiện trường xảy ra vụ việc. Kết quả anh D xác định vụ việc xảy ra tại Phòng 302, tầng 3 nhà nghỉ Sài Gòn thuộc thôn K, xã H, huyện L.

Ngày 01/9/2020 và 03/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L cho anh Lã Văn Q, Ninh Văn D, Hoàng Văn Tr nhận dạng qua ảnh người đã chiếm đoạn tài sản của anh D vào ngày 30/4/2020. Kết quả anh Q, D, Tr nhận ra người trong ảnh số 04 (bốn) là Phạm Văn H, sinh năm 1993, trú tại Thôn G, xã K, huyện L chính là người đã mượn xe mô tô và điện thoại của anh D.

Đối với Phạm Văn H, sau khi phạm tội, H bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 15/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra quyết định truy nã đối với Phạm Văn H. Ngày 27/01/2022, H bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Nông bắt theo quyết định truy nã.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại (anh D), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh M) thống nhất bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Ninh Văn M đại diện nhận số tiền 12.000.000đồng.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo không có ý kiến gì đối với nội dung bản cáo trạng cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 14/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 27/01/2022. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và các đương sự: Bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Ninh Văn M số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đương sự không có ý kiến gì hoạc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội của bị cáo:

Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/4/2020, tại Phòng 302, tầng 3 nhà nghỉ Sài Gòn thuộc thôn k 2, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Phạm Văn H đã hỏi mượn của anh Ninh Văn D 01 (một) chiếc xe môtô, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu sơn đỏ đen, biển số 98E1-674.29 giá trị 37.600.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 3, màu xanh có giá trị 2.100.000 đồng để đi giải quyết việc riêng. Sau khi mượn được xe mô tô và điện thoại di động của anh D, H đã nảy sinh mục đích chiếm đoạt số tài sản trên nên đã mang xe mô tô đi cầm cố lấy số tiền 4.000.000 đồng sử dụng tiêu sài cá nhân hết, còn chiếc điện thoại do bị vỡ màn hình thì H đã vất đi.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ, cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta, xét mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo các đương sự tự thỏa thuận với nhau về trách nhiệm dân sự. Căn cứ Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự cần công nhận sự thỏa thuận: Bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Ninh Văn M số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

[5] Về những vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Văn H là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 98E1- 674.29, quá trình điều tra xác định khi cầm cố chiếc xe mô tô trên H nói là xe của mình, anh H không biết đó là xe do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh H là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Realme 3, màu xanh, quá trình điều tra Phạm Văn H khai trên đường đi taxi từ thị trấn N, huyện Y đến thành phố Bắc Giang, H đã vứt đi nhưng không nhớ vứt ở vị trí nào, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Thông báo truy tìm nhưng đến nay chưa thu hồi được.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chị án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 23; 26; 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 2 (hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 27/01/2022.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và các đương sự: Bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Ninh Văn M số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãicủa số tiền còn phải thi hành án theoquy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; 26; 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã K;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu